

Số: 253/2018/DS-PT

Ngày: 21/9/2018

V/v: “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng –
Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-DS ngày 04/01/2018 về
“*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án
nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐ-PT ngày
17/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1930

Địa chỉ: 469C1, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm
1957; địa chỉ: 251C, ấp 1, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Đình
P – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình P.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Văn M, sinh năm 1955 (đã chết)

Địa chỉ: 466C1, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M:

- Bà Trà Thị Th, sinh năm 1955

Địa chỉ: 466C1, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978

- Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1981

- Bà Phạm Thị Hồng Th, sinh năm 1975

- Bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: 466C1, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L là Bà Trà Thị Th.

- Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: 466C5, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2.2 Ông Đoàn Minh N, sinh năm 1962

Địa chỉ: 25B Đoàn Hoàng Minh, Phường 5, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố T

Địa chỉ: 07A Đại lộ Đồng Khởi, Phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố T: ông Nguyễn Quốc K – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. (Có đơn xin vắng mặt).

3.2 Bà Trà Thị Th, sinh năm 1955

Địa chỉ: 466C1, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Minh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Minh T Ông Lê Thanh H trình bày:

Bà Lê Thị Minh T hiện đang quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 07 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Giáp với phần đất này là phần đất của Ông Phạm Văn M thuộc thửa số 38, 93 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và phần đất của Ông Đoàn Minh N thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này là của vợ chồng bà T mua của ông Trần Quốc Th và ông Trần Quốc Đ từ năm 1989, có diện tích 5.095m². Hiện tại bà T không biết diện tích phần đất này là bao nhiêu mà bà T căn cứ vào xác nhận của ông Trần Quốc Th là chủ đất

cũ, bà Trần Thị Kim T là con ông Trần Quốc Th, ông Phạm Hồng T, ông Ngô N, bà Huỳnh Thị L, Huỳnh Ngọc B... để cho rằng ông M lấn đất của bà. Theo tờ xác nhận của những người này thì phần đất bà T có lối đi vào 04m và bờ mẫu ngang 01m, dài 50m. Hiện tại, ông M đã chết, do đó, bà T khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M trả lại phần đất đã lấn có diện tích là $84,6m^2$ (trong đó có $40m^2$ là lối đi vào nhà và $44,6m^2$ là đất bờ mẫu), thuộc thửa 38, 93 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 38 (nay là thửa 38, 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Lý do là đất đang có tranh chấp nhưng cơ quan chức năng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất đang có tranh chấp nhưng ông M lại chuyển nhượng cho Ông Đoàn Minh N một phần đất trong thửa đất số 38 (nay là thửa 38, 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và hiện nay ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất này (thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre). Bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N đối với thửa 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn Th trình bày:

Nguồn gốc đất thuộc thửa đất số 38 (nay là thửa 38, 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre có diện tích $1263,3m^2$ là của cha ông M để lại. Năm 2000, ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Phần đất mà bà T khởi kiện yêu cầu ông M trả lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M và hiện tại bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất này. Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đoàn Minh N trình bày:

Trước đây ông có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông M và hiện nay ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này (thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre) có diện tích $165,8m^2$. Việc tranh chấp giữa bà T và ông M, ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T là ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 38 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N đối với thửa 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre là đúng theo quy định của pháp luật nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 118/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

Áp dụng Điều 256, 688 Bộ luật dân sự 2005; Điều 166, 202, 203 Luật đất đai 2013; Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh T đối với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L.

Buộc những người thừa kế của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L trả lại phần đất có diện tích 0,8m² thuộc thửa 7a (một phần thửa 7) tờ bản đồ 34, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L trả lại phần đất có diện tích là 80,2m² gồm phần đất có diện tích 60m² thuộc thửa 93a, 93b, 93c, 93d, 93e (thuộc một phần thửa 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và phần đất có diện tích 20,2m² thuộc thửa 38b, 38c, 38d, 38e (thuộc một phần thửa 38) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc yêu cầu Ông Đoàn Minh N trả lại phần đất có diện tích 5,4m² thuộc thửa 116a (thuộc một phần thửa 116) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38 (nay là thửa 38, 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

6. Chi phí thu thập chứng cứ là 950.000 đồng bà Lê Thị Minh T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L phải chịu, mỗi bên chịu 475.000 đồng. Nhưng bà Lê Thị Minh T đã nộp xong nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L phải trả lại cho bà Lê Thị Minh T số tiền 475.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2016 bà Lê Thị Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm kháng cáo, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phần đất của bà T có nguồn gốc mua của ông Trần Quốc Th, Trần Quốc Điền. Ông M và ông N sử dụng phần đất liền kề. Qua đo đạc tại cấp sơ thẩm thì bao gồm các thửa 38b, 38c, 38d, 38e; 116a; 7a; 93a, 93b, 93c, 93d, 93e. Tuy nhiên, theo chỉ đo của bị đơn thì không có các thửa 38d, 38e, 93d, 93e có diện tích là $10,8m^2$ nên bị đơn mặc nhiên thừa nhận diện tích này của bà T. Chữ ký trong biên bản hiệp thương ranh năm 2000 và 2002 của ông Kỳ Phương và bà T sau khi giám định là không phải chữ ký của ông Phương, bà T. Như vậy việc xác định ranh đất theo hồ sơ kỹ thuật là chưa chính xác, cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật bác yêu cầu của bà T là không phù hợp. Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M không có hiệp thương ranh, ông M bán lại cho ông N là không đúng do đó ông N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T $5,4m^2$ đất thuộc một phần thửa 116. Đối với thửa 7a sau khi cấp sơ thẩm tuyên các bên đương sự không có kháng cáo nên có hiệu lực. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T mặc dù việc cấp giấy không đúng quy trình tuy nhiên phần đất tranh chấp chỉ nằm trong một phần thửa nên

không cần hủy giấy chứng nhận mà chỉ cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Đề nghị căn cứ khoản 2, Điều 308 sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Bà Lê Thị Minh T hiện đang quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 07 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Giáp với phần đất này là phần đất của Ông Phạm Văn M thuộc thửa số 38, 93 tờ bản đồ số 15 và phần đất của Ông Đoàn Minh N thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 cùng tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này là của vợ chồng bà T mua của ông Trần Quốc Th và ông Trần Quốc Điền. Bà T cho rằng phần đất của bà có lối đi vào là 04m và bờ mẫu ngang 01m, dài 50m. Nhưng đã bị ông M lấn chiếm, bà yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông M phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của bà là 80,2m² thuộc thửa 38, 93 và ông N phải trả cho bà T diện tích lấn chiếm là 5,4m² thuộc thửa 116a (một phần thửa 116). Đồng thời, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M và ông N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông M phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của bà là 80,2m² thuộc thửa 38, 93 tờ bản đồ 15. Khi ông M kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 38, 93 thì thể hiện có biên bản hiệp thương ranh của các chủ sử dụng đất lân cận. Tuy nhiên, theo kết luận giám định thì chữ ký tại biên bản hiệp thương ranh ngày 22/12/2000 và biên bản hiệp thương ranh ngày 30/5/2002 không phải do ông Ngô Kỳ P và bà Lê Thị Minh T ký tên. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M là không có hiệp thương ranh. Cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M không chấp yêu cầu khởi kiện của bà T chưa phù hợp.

Qua đo đạc tại cấp sơ thẩm thì phần đất tranh chấp bao gồm các thửa 38b, 38c, 38d, 38e; 93a, 93b, 93c, 93d, 93e. Tuy nhiên, theo chỉ đo của bị đơn thì không có các thửa 38d, 38e, 93d, 93e có diện tích là 10,8m² nên bị đơn mặc nhiên thừa nhận diện tích này của bà T.

Căn cứ vào xác nhận của ông Trần Quốc Đ, Trần Quốc Th và bà Trần Thị Kim T (con ông Trần Quốc Th) là người bán đất cho vợ chồng bà T thì khi bán đất có lối đi vào nhà bà T xe ô tô ra vào dễ dàng có chiều ngang khoảng 4m và có bờ mẫu trồng tre gai chứ không như hiện trạng hiện nay. Đồng thời, theo xác nhận của ông Phạm Hồng Th, ông Ngô N, bà Huỳnh Thị L, Huỳnh Ngọc B và

các nhân chứng khác thì phần đất của bà T có lối đi vào với chiều ngang khoảng 4m và có bờ mẫu. Từ những nhận định trên có căn cứ cho rằng ông M có lấn chiếm một phần đất của bà T nên cần buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 80,2m² thuộc các thửa 38b, 38c, 38d, 38e; 93a, 93b, 93c, 93d, 93e.

Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu ông N trả lại phần đất 5,4m² thuộc một phần thửa 116. Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M không có hiệp thương ranh nhưng ông M lại chuyển nhượng đất cho ông N là không phù hợp quy định pháp luật nên ông N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T phần đất có diện tích 5,4m² thuộc một phần thửa 116 theo yêu cầu của bà T.

Thửa đất 7a với diện tích 0,8m² tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc những người thừa kế của ông M phải trả lại cho bà T nhưng đương sự không có kháng cáo hay ý kiến gì nên phần này của án sơ thẩm có hiệu lực, cấp phúc thẩm không xem xét đến.

Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38, 93 được cấp cho bà Th và thửa số 116 được cấp cho ông N. Do việc kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M và ông N không có hiệp thương ranh giới giữa các chủ sử dụng đất là không đúng quy trình nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là có căn cứ. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp chỉ thuộc một phần diện tích của thửa 38, 93 và thửa 116 nên không cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th và ông N chỉ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với bản án phúc thẩm.

Kháng cáo của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Minh T sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh T đối với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà

Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L.

Buộc những người thừa kế của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L trả lại cho bà Lê Thị Minh T phần đất có diện tích $80,2\text{m}^2$ gồm phần đất có diện tích 60m^2 thuộc thửa 93a, 93b, 93c, 93d, 93e (thuộc một phần thửa 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và phần đất có diện tích $20,2\text{m}^2$ thuộc thửa 38b, 38c, 38d, 38e (thuộc một phần thửa 38) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và phần đất có diện tích $0,8\text{m}^2$ thuộc thửa 7a (một phần thửa số 7) tờ bản đồ 34, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. (Có họa đồ kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T đối với Ông Đoàn Minh N.

Buộc Ông Đoàn Minh N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Minh T phần đất có diện tích $5,4\text{m}^2$ thuộc thửa 116a (thuộc một phần thửa 116) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre (Có họa đồ kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38 (nay là thửa 38, 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 38 (nay là thửa 38, 93) tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre và thửa đất số 116 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre phù hợp với bản án phúc thẩm.

5. Chi phí thu thập chứng cứ là 950.000 đồng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L phải chịu. Nhưng bà Lê Thị Minh T đã nộp xong nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Ông Phạm Văn M là Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L phải trả lại cho bà Lê Thị Minh T số tiền 950.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải

thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả lại cho bà Lê Thị Minh T số tiền 450.000 đồng theo các biên lai thu số 007469 ngày 19/10/2001, số 0012346 ngày 30/6/2017 và số 0012347 ngày 30/6/2017.

Bà Trà Thị Th, Ông Phạm Văn T, Ông Phạm Văn Th, bà Phạm Thị Hồng H, Bà Phạm Thị Hồng Th và Bà Phạm Thị Hồng L phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Ông Đoàn Minh N phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Minh T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Tp Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp Bến Tre;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Tư